

NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH, XÃ HỘI VÙNG BIỂN ĐẢO NAM TRUNG BỘ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Phạm Ngọc Trâm*

Tóm tắt

Đối với Việt Nam nói chung, Nam Trung Bộ nói riêng, những nghiên cứu về chính sách, xã hội vùng biển đảo ít được chú trọng, dù Chiến lược biển Việt Nam ban hành năm 2007 xác định vươn ra biển, khai thác và bảo vệ biển là sự lựa chọn có tính chất sống còn của dân tộc.

Nghiên cứu chính sách, xã hội vùng biển đảo Nam Trung Bộ chính là tiếp cận quá trình xây dựng và thực hiện chính sách quản lý phát triển xã hội vùng biển đảo trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng... Trên cơ sở đó, đúc kết những bài học kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp quản lý và phát triển xã hội biển vùng này trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Từ khóa: nghiên cứu, chính sách, xã hội, biển đảo, Nam Trung Bộ

1. Đặt vấn đề

Trước biển cả bao la, con người thường quan tâm đến việc chinh phục biển cả bằng các công cụ của khoa học kỹ thuật. Cho nên, khi đề cập đến các lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ về biển người ta thường chú trọng đến các lĩnh vực: khí tượng, thủy văn, động lực học biển; hay các lĩnh vực địa chất, địa - vật lý biển, các hoạt động điều tra về đa dạng sinh học biển; hoặc các lĩnh vực nghiên cứu năng lượng, kỹ thuật công trình - công nghệ biển, công nghệ dự báo biển, công nghệ khai thác tài nguyên biển, công nghệ tách chiết các hợp chất thiên nhiên trên biển phục vụ kinh tế và xã hội...

Trong tư duy phát triển khoa học công nghệ ở nước ta ít quan tâm hoặc quan tâm không thỏa đáng đến những nghiên cứu khoa học về chính sách, xã

hội biển nhằm làm cơ sở cho sự phát triển bền vững và “cũng đã có những công trình nghiên cứu nhưng vụn vặt, không toàn diện, không đồng bộ”¹.

2. Khái quát vùng biển đảo Nam Trung Bộ và những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội

Vùng biển đảo Nam Trung Bộ kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận có một hệ thống đảo ven bờ khá dày đặc, với hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ; ngoài khơi có hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Biển đảo Nam Trung Bộ là “cầu nối” quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu kinh tế, hội nhập và hợp tác của các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam với thế giới.

* TS, Trường Đại học KHXH&NV Tp HCM

¹ Hồng Minh (2013), *Khoa học công nghệ biển - Thiểu và yếu*, <http://www.vfej.vn/print/3460/khoa-hoc-cong-nghe-bien-thieu-va-yeu.html>

Trong những năm gần đây, nhất là từ khi đất nước đổi mới, những chính sách phát triển xã hội vùng biển đảo được Đảng và Nhà nước chú trọng. Văn kiện Đại hội VI, năm 1986, ghi nhận: Hiện nay chúng ta còn “hàng chục vạn hecta mặt nước có khả năng nuôi, trồng thủy sản cùng với vùng biển rộng lớn có tiềm năng kinh tế phong phú, có nhiều ngư trường quan trọng chưa được khai thác tốt”². Do đó, Đại hội chủ trương trong 5 năm 1986-1990, các tỉnh duyên hải ven biển phát triển mạnh các ngành nghề kinh tế biển, vận tải đường biển, gắn lao động với đất đai, rừng, biển, nhằm khai thác đến mức cao nhất những tiềm năng biển đảo; đồng thời dựa vào việc khai thác thế mạnh của từng địa phương ven biển một cách hợp lý nhất, vừa tăng sản xuất, vừa tạo ra các nguồn sản phẩm khác để trao đổi lấy lương thực, kể cả thông qua xuất nhập khẩu; sắp xếp hợp lý lực lượng lao động ngư nghiệp, khuyến khích nhân dân phát triển nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản, mở mang ngành nghề vùng ven biển. Đồng thời Đại hội cũng đề ra những chủ trương rất cụ thể: “Đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam, để đến năm 1990 đạt sản lượng dầu thô đáng kể; có phương án sử dụng tốt lượng khí khai thác được cùng với dầu. Khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu với công suất đợt I là 3 triệu tấn/năm”³.

² Báo cáo Đại hội VI -

<http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang>

³ Báo cáo Đại hội VI - Tài liệu đã dẫn.

Từ năm 1991 trở lại đây, trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập đang dần hiện diện, các tỉnh, thành Nam Trung Bộ “mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại và các dịch vụ hàng không, hàng hải, du lịch”⁴ – theo chủ trương của Đại hội VI, Đại hội VII - phát triển đánh bắt và nuôi trồng các loại thủy, hải sản nhất là các loại có khả năng xuất khẩu. Nhờ vậy, xã hội biển Nam Trung Bộ trong những năm đầu thế kỷ XXI đã có những chuyển biến sâu sắc, từ chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh tế biển đến các đối tượng nuôi trồng thủy sản cho giá trị cao, có khả năng xuất khẩu lớn, phát huy sử dụng các tiềm năng biển ven bờ.

Để phát triển hoạt động kinh tế biển vùng Nam Trung Bộ, hàng loạt các dự án, công trình ven biển và trên các đảo được triển khai đã góp phần cải thiện môi trường, mở rộng các ngành dịch vụ - du lịch, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội mang tính bền vững.

Từ đầu năm 2003, thực hiện chủ trương của Đại hội IX, Chính phủ triển khai việc xây dựng “Khu kinh tế ven biển”⁵. Cả nước có 15 Khu kinh tế ven biển⁵, trong đó có mười khu kinh tế ven biển ở vùng duyên hải miền Trung. Mặc dù quá trình hình thành và phát triển chưa dài nhưng một số Khu kinh tế ven biển ở đây đã thu hút được các dự án công nghiệp nặng, quy mô lớn trong lĩnh vực cơ khí, hóa dầu, nhiệt điện... góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa

⁴ Báo cáo Đại hội VII – Tài liệu đã dẫn.

⁵ Tính đến nay cả nước có 18 khu kinh tế ven biển.

phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế hướng biển, điển hình là công nghiệp cơ khí ô-tô tại khu kinh tế ven biển Chu Lai (Quảng Ngãi), lọc-hóa dầu tại khu kinh tế ven biển Dung Quất (Quảng Ngãi)... Khu kinh tế biển là mô hình phát triển mới có tính đột phá cho phát triển kinh tế vùng, huy động tối đa nội lực, tìm kiếm và áp dụng những thể chế kinh tế mới để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, kết hợp phát triển kinh tế với giữ vững an ninh, quốc phòng. Các khu kinh tế ven biển Nam Trung Bộ đã giữ vai trò động lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương cũng như trong phạm vi vùng và cả nước.

Vươn ra biển, khai thác và bảo vệ biển là sự lựa chọn có tính chất sống còn của dân tộc Việt Nam. Hội nghị lần thứ IV BCHTW Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 "Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020", trong đó nhấn mạnh "Thế kỷ 21 được xem là thế kỷ của đại dương". Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30/5/2007 - Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020".

Trên cơ sở *Chiến lược biển Việt Nam* các tỉnh, thành vùng Nam Trung Bộ đã đề ra các *Chương trình hành động* cụ thể nhằm hiện thực hóa *Chiến lược biển Việt Nam* bằng các biện pháp,

giải pháp trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn; để nhân dân các địa phương vươn lên làm giàu từ biển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Bên cạnh những mặt tích cực của chính sách phát triển xã hội biển vùng Nam Trung Bộ, chúng ta cũng dễ dàng nhận diện nhiều hạn chế trong quá trình phát triển: quá trình phát triển các khu kinh tế ven biển còn có một số vấn đề bất cập; thiếu quy hoạch đầu tư xây dựng cảng biển; kinh tế thủy sản phát triển chưa bền vững; nguồn lao động chưa qua đào tạo chiếm một tỷ lệ lớn; dịch vụ nghề cá yếu; tài nguyên du lịch biển của Nam Trung Bộ phong phú, đa dạng nhưng chưa khai thác hiệu quả; đời sống của nhân dân, nhất là ngư dân ở các xã ven biển còn khó khăn và chịu nhiều rủi ro; tình hình an ninh quốc phòng trên biển còn nhiều phức tạp.

Từ thực tiễn phát triển sinh động

vùng biển đảo Nam Trung Bộ cho thấy cần có những nghiên cứu cụ thể về chính sách, xã hội ở vùng này để có cơ sở xây dựng chính sách và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội Nam Trung Bộ, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập của đất nước.

3. Tình hình nghiên cứu về chính sách, xã hội vùng biển đảo Nam Trung Bộ

Tình hình nghiên cứu trên thế giới.

Từ lâu, những quốc gia có ưu thế biển trên thế giới đã ý thức được việc nghiên cứu chính sách, xã hội biển với các hoạt động của con người trên biển, từ những mối quan hệ khác nhau về sự hiểu biết của con người đối với đại dương, biển, đảo, đường biển, vận chuyển trên biển, đánh bắt cá, đóng tàu... cho đến lịch sử phát triển kinh tế biển, lịch sử cộng đồng ngư dân, văn hóa biển... Thông qua những công trình nghiên cứu đó, lịch sử sinh mệnh thăng trầm của quốc gia đều được nhìn từ biển. Nhiều nước như Hoa Kỳ, Nhật, Trung Quốc... đều đã có bề dày nghiên cứu khoa học về chính sách, xã hội biển, để biển luôn sống động trong tâm thức dân tộc và của mỗi công dân.

Tiêu biểu như công trình *Oxford Encyclopedia Maritime history (Oxford - 2007)*⁶ của John B. Hattendorf (2007), giới thiệu khá đầy đủ về quá trình hình thành và phát triển cộng đồng ngư dân, kinh tế biển Hoa Kỳ; khẳng định Hoa Kỳ là một quốc gia biển, có tiềm lực quản lý và khai thác nhiều đại dương.

⁶ Tạm dịch *Bách khoa thư về Hải sử Hoa Kỳ*.

Kennon Breazeale (Foundation for the Promotion of Social Sciences and Humanities, 1999) qua *From Japan to Arabia: Ayutthaya Maritime Relations with Asia*⁷, đề cập đến các kết nối hàng hải xuyên quốc gia trên khắp châu Á, sự trao đổi giữa các mạng đại dương kéo dài từ Địa Trung Hải qua biển Ả Rập, Ấn Độ Dương, và Straights Melaka ra nước ngoài đến bờ biển Đông Việt Nam và Đông Á.

Công trình *A modern history of Southeast Asian Marine Marauder*⁸ của Stefan Eklof (Viện Nghiên cứu châu Âu, 2006), phân tích điều kiện địa lý tự nhiên và sinh thái của con người và biển ở Đông Nam Á - nơi có đường vận tải biển nhộn nhịp nhất thế giới.

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu chính sách, xã hội biển trên thế giới đều xác định đối tượng nghiên cứu chính là con người, con người vừa với tư cách cá nhân, vừa với tư cách cộng đồng luôn gắn bó, liên quan đến biển.

Những năm gần đây, trong bối cảnh tranh chấp ở biển Đông đã và đang tiếp tục diễn ra căng thẳng, thu hút hàng trăm nhà khoa học nước ngoài tập trung nghiên cứu về biển đảo Việt Nam với các nội dung như: tầm quan trọng của biển đảo Việt Nam, các tuyến giao thông trên biển, quản lý và khai thác nguồn tài nguyên, cùng những tính toán chiến lược của các nước lớn đối với biển Đông như: Ji Guoxing (GS khoa

⁷ *Từ Nhật Bản đến Arabia: Hàng hải Ayutthaya mối quan hệ với châu Á*.

⁸ *Lịch sử hiện đại của Marauder Hàng hải Đông Nam Á*.

học chính trị và giám đốc Ban Châu Á - Thái Bình Dương, Viện nghiên cứu quốc tế Thượng Hải) "*Trường Sa theo cách nhìn của Trung Quốc*" - Viện nghiên cứu chiến lược và quốc tế (ISIS) Malaysia xuất bản 1992; Carlyle A. Thayer (2012), *Tầm quan trọng của biển Đông; Giá trị chiến lược của hải phận và các tuyến đường giao thông trên biển*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Biển Đông lần thứ IV; Michael Leiter (1995), *Cải cách kinh tế và chính sách an ninh của Trung Quốc liên quan đến biển Nam Trung Hoa*, Tạp chí *Survival*, Viện Nghiên cứu chiến lược quốc tế Anh, số mùa hè 1995; *Chiến lược phát triển kinh tế biển của Trung Quốc*, Tài liệu tham khảo số 2/2008, Thông tấn xã Việt Nam; Rory Medcalf (2010), *Thách thức đối với trật tự an ninh biển của châu Á*, Tạp chí *Người Australia*, ngày 15/9/2010; Yann-huei-Song (2012), *Bảo tồn và quản lý chung nguồn tài nguyên hải sản ở biển Đông*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Biển Đông lần thứ IV.

Phần lớn các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài khá đồ sộ, có hàm lượng khoa học cao, nhưng thường đứng trên lập trường, lợi ích của các quốc gia liên quan tới biển Đông, chứ ít đề cập chính sách, xã hội biển Việt Nam nói chung, vùng biển Nam Trung Bộ nói riêng.

Tình hình nghiên cứu về chính sách, xã hội biển Nam Trung Bộ

Nghiên cứu về chính sách, xã hội biển Việt Nam nói chung, vùng biển Nam Trung Bộ nói riêng cho tới đầu thế kỷ XX ít được quan tâm. Phần lớn các

nghiên cứu, ghi chép trong thời kỳ này chủ yếu là của Quốc sử quán triều Nguyễn, được phản ánh trong các tác phẩm: *Đại Nam thực lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Nam nhất thống chí*... Những sử liệu chính thống đó đã ghi nhận các chúa Nguyễn và vua Nguyễn đã đề ra và thực hiện các chính sách quản lý, củng cố chủ quyền, khai thác tài nguyên biển Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII đến thế kỷ XX.

Cho đến nửa sau thế kỷ XX mới có một người Việt Nam đầu tiên viết một cuốn sách nhỏ bằng ngoại ngữ với mấy đoạn đề cập sơ sài đến các hoạt động buôn bán của người Việt ở Biển Đông trong thời Bắc thuộc. Đó là tác phẩm của Lê Thanh Khôi: *Le Vietnam, Histoire et Civilisation*, xuất bản năm 1955 ở Paris, Pháp.

Từ cuối thế kỷ XX, sau sự kiện Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa (19/01/1974), gây xung đột vũ trang và chiếm đoạt một số đảo ở quần đảo Trường Sa (14/03/1988), làm cho việc bảo vệ, quản lý và khai thác biển đảo Việt Nam bị đặt trước những thách thức nghiêm trọng. Từ đó đến nay, việc nghiên cứu về chính sách, xã hội biển Việt Nam nói chung, vùng biển Nam Trung Bộ nói riêng, dưới nhiều góc độ khác nhau, được chú ý triển khai, đã có hàng chục công trình nghiên cứu được công bố. Tiêu biểu có thể kể đến:

Người Việt với biển do PGS.TS Nguyễn Văn Kim (chủ biên, 2011); *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam* do Nguyễn Thái Anh (chủ biên, 2011); *Nhìn ra biển khơi* của tác giả Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến (đồng chủ biên,

2012); *Công ước Biển 1982 và chiến lược biển của Việt Nam* do TS. Nguyễn Hồng Thao (chủ biên, 2008). *Trường Sa – Hoàng Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế* của Nguyễn Q. Thắng (2008)... Các công trình nghiên cứu này đã phản ánh truyền thống khai thác biển của các cộng đồng trong khu vực và người Việt; tâm thức và tư duy hướng biển của người Việt; các nền văn hóa và không gian văn hóa biển; sự hình thành, hoạt động và vai trò của các thương cảng, cảng thị; thể chế biển và mối liên hệ với các thể chế nông nghiệp, lâm nghiệp; mối quan hệ giữa biển với lục địa, sự hình thành các tuyến giao thương, các nguồn thương phẩm; hoạt động giao thương trên biển với các cộng đồng thương nhân châu Á, châu Âu; quá trình tiếp giao, truyền bá và ứng đối tư tưởng, văn hóa; ý thức chủ quyền, quá trình đấu tranh, xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của dân tộc ta qua các thời kỳ lịch sử; xây dựng nguồn tư liệu, cơ sở dữ liệu, thông tin về biển đảo và nghiên cứu phục vụ chiến lược biển Việt Nam; và những vấn đề công pháp quốc tế.

Trong Chương trình Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020⁹, có một đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn thực hiện từ năm 2014 là *Những vấn đề quản lý và phát triển xã hội trong cộng đồng ngư dân các tỉnh duyên hải miền Trung nước ta đến năm 2020*. Mục tiêu của đề

tài hướng đến việc làm rõ đặc điểm và những vấn đề đặt ra trong quản lý và phát triển xã hội đối với cộng đồng ngư dân các tỉnh duyên hải miền Trung nước ta đến năm 2020; Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý và phát triển xã hội trong cộng đồng ngư dân các tỉnh duyên hải miền Trung nước ta hiện nay; làm rõ cơ chế, chính sách hiện hành với những thành công và bất cập cần đổi mới, hoàn thiện; Đề xuất giải pháp đổi mới cơ chế, phương thức tổ chức đời sống và quản lý phát triển xã hội trong cộng đồng ngư dân các tỉnh duyên hải miền Trung nước ta đến năm 2020.

Phần lớn các công trình nghiên cứu nói trên đã phản ánh một bức tranh đa dạng về các khía cạnh của đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của cư dân vùng biển tại nhiều tỉnh, thành ven biển Nam Trung Bộ và cả nước. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu ấy chủ yếu đi sâu vào quá trình bảo vệ chủ quyền, quản lý, khai thác biển đảo trong phạm vi cả nước, chưa có dịp đi sâu nghiên cứu về chính sách, xã hội biển Việt Nam nói chung, vùng biển Nam Trung Bộ nói riêng.

Từ góc độ phân tích và đề xuất chính sách, chúng tôi còn nhận thấy chưa có tài liệu quy hoạch, khai thác, sử dụng vùng biển đảo Nam Trung Bộ. Về mặt pháp luật, việc quản lý biển đảo trong cả nước nói chung và Nam Trung Bộ nói riêng, trong những năm qua chỉ dựa vào Luật Đất đai và một số luật ngành nên công cụ pháp lý để quản lý nhà nước trong lĩnh vực biển đảo còn rất mờ nhạt, thậm chí chồng chéo. Trong một bảng hỏi nhằm tìm hiểu nhận

⁹ Mã số: KX.02/11-15 (theo Quyết định số 1180/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

thức và sự tham gia của người dân trong quản lý và khai thác biển đảo, tại một tỉnh cực Nam Trung Bộ, với câu hỏi “Ông/bà có biết cơ quan nào quản lý biển, đảo?” với 10 phương án trả lời khác nhau:

1. Lực lượng Hải quân
2. Chính quyền địa phương xã, huyện, tỉnh
3. Chi cục Quản lý biển đảo
4. Sở Tài nguyên và Môi trường
5. Bộ đội Biên phòng tỉnh
6. Cảnh sát biển
7. Công an tỉnh
8. Tổng công ty khai thác dầu khí
9. Cảng vụ các cảng trên địa bàn tỉnh
10. (bên khác).....

Chúng tôi nhận được các câu trả lời gần như chia đều cho các phương án. Điều đó chứng tỏ chúng ta còn nhiều nhận thức khác nhau về cơ quan quản lý biển đảo – đây cũng là một bất cập trong thực tiễn quản lý biển đảo ở nước ta.

Nguyên nhân lớn nhất dẫn tới những “khoảng trống” trong nghiên cứu khoa học xã hội, nhất là về chính sách, xã hội biển ở Nam Trung Bộ chính là tư duy về “Chiến lược khoa học công nghệ biển”. Trong ba mảng lớn về khoa học công nghệ biển: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội – nhân văn, hầu như các nhà quản lý, hoạch định chính sách thường chú trọng đến khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, ít quan tâm đến khoa học xã hội – nhân văn. Nhiều vấn đề về khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở nền tảng quản lý, khai thác biển đảo vẫn chưa

được triển khai nghiên cứu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân góp phần làm cho nền khoa học công nghệ biển Việt Nam thiếu và yếu.

Điềm qua những công trình nghiên cứu khoa học xã hội – nhân văn về biển Việt Nam nói chung, Nam Trung Bộ nói riêng cho thấy vẫn còn thiếu nhiều công trình nghiên cứu khoa học về chính sách, xã hội biển mang tầm chiến lược, làm “điểm tựa” cho sự phát triển bền vững biển đảo vùng Nam Trung Bộ.

4. Kết luận

Qua 27 năm đổi mới (1986 – 2013) chính sách phát triển xã hội biển vùng Nam Trung Bộ có những chuyển biến, tạo ra bước phát triển về kinh tế - xã hội vùng biển. Nghề nuôi trồng hải sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Việc quản khai thác hải sản tập trung chuyên đổi cơ cấu khai thác thông qua việc lựa chọn ngư trường. Các loại hình nghề nghiệp và sản phẩm của nền kinh tế biển ngày càng được nâng cao giá trị. Bà con ngư dân sử dụng hợp lý nguồn lợi hải sản, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng bền vững. Nghề làm muối và đời sống bà con diêm dân được cải thiện. Các Đảng bộ, chính quyền và các hội đoàn ở địa bàn nông thôn ven biển Nam Trung Bộ đã phát huy tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, đẩy mạnh phát triển nghề đánh bắt, nuôi trồng hải sản, dịch vụ... tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng nhanh thu nhập cho bà con ngư dân. Hệ thống khuyến ngư các tỉnh, thành Nam Trung Bộ tăng cường

ngiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là giống và kỹ thuật sản xuất thủy sản, nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh trong nuôi trồng hải sản.

Tuy vậy, sự phát triển chính sách và xã hội biển Nam Trung Bộ, chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng. Để phản ánh bức tranh hiện thực cực kỳ sinh động, phong phú và đa dạng, đồng thời, đúc kết những kinh nghiệm thành công và chưa thành công về chính sách, xã hội biển Nam Trung Bộ, chúng tôi thiết nghĩ rất cần thiết phải triển khai các công trình nghiên cứu khoa học xã hội về vấn đề này.

Về chính sách, từ những nghiên cứu đó, để thấy rõ sự chuyển biến trên các bình diện: xây dựng chính sách, thực hiện quản lý biển đảo trong từng

giai đoạn, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng...

Nghiên cứu xã hội biển Nam Trung Bộ chính là tiếp cận với cách thức khai thác, chế biến, phát triển các ngành nghề; nghiên cứu các hình thái sinh hoạt, tổ chức của cộng đồng cư dân vùng biển đảo. Trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá những thành tựu, hạn chế của chính sách và những mặt ưu việt của xã hội biển vùng Nam Trung Bộ; đồng thời đúc kết những bài học kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp quản lý và phát triển xã hội biển vùng này trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. Đó chính là sự cần thiết, mang tính cấp bách, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn của một vấn đề khoa học □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Craig L. Symonds, William J. Clipson (2001) với *Lịch sử Hải quân của Hải quân Hoa Kỳ* - Viện Hải quân Press xuất bản.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo Đại hội VI - <http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang>
- [3] Hồng Minh (2013), *Khoa học công nghệ biển - Thiếu và yếu*, <http://www.vfej.vn/print/3460/khoa-hoc-cong-nghe-bien-thieu-va-yeu.html>
- [4] Nguyễn Văn Kim (chủ biên) (2011), *Người Việt với biển*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [5] Kennon Breazeale (1999) *From Japan to Arabia: Ayutthaya Maritime Relations with Asia* - Foundation for the Promotion of Social Sciences and Humanities, 1999
- [6] John B. Hattendorf (2007), *Oxford Encyclopedia Maritime history* - Oxford – 2007.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (1965, 1966), *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XIII, XIV, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Stefan Eklof (2006) *A modern history of Southeast Asian Marine Marauder* (Viện Nghiên cứu châu Âu, 2006)
- [10] Nguyễn Q. Thắng (2008) *Trường sa – Hoàng sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

- [11] Trần Ngọc Toàn (2011), *Biển Đông yêu dấu*, Nxb Trẻ TP.HCM.
- [12] Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2000), *Văn hoá dân gian làng ven biển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [14] Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam (2009), *Biển Đông*, (tập 1, Khái quát về Biển Đông), Nxb Khoa học Tự nhiên Công nghệ, Hà Nội.

Abstract

Doing research on the policies and society of the marine and island areas in the Southern Central: Some theoretical and realistic issues

For Vietnam in general and the Southern Central in particular, little attention has been paid to the research on the policies and society of the marine and island areas, although Vietnam's maritime strategy, established in 2007 identified "reaching out to the sea, exploiting and protecting the sea is the nation's most vital choice."

Doing research on the policies and society of the marine and island area in the Southern Central is to approach the process of building and implementing the socio-development and management policies in the island waters regarding all the aspects of politics, economy, society, culture, security, and national defence ... On that foundation, we can assess the achievements and limitations of such policies, as well as the social benefits of Vietnam's coastal Southern Central region, summarizing the acquired lessons and proposing some solutions for the socio-development and management of this marine region during the industrialization – modernization period, aiming at protecting the marine sovereignty of Vietnam..

Keywords: *research, policy, social, sea and island, Southern Central*